

Bình Dương, ngày 04 tháng 8 năm 2023

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**  
**Về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương**  
**Giai đoạn 2023 - 2030**

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022).

Xét Công văn số 1916/SKHĐT-KTN ngày 17/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc dự thảo Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022-2030 và Thông báo số 228/TB-UBND ngày 20/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023 – 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

- Cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, cụ thể trong thực hiện cắt giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa các ngành kinh tế, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh phù hợp với tỉnh Bình Dương.

- Nâng cao nhận thức và hành động của toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao công tác nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất góp phần giảm phát thải khí nhà kính; cải thiện chất lượng cuộc sống người dân từ việc giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại, hài hòa với thiên nhiên và môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đưa Bình Dương hướng tới nền kinh tế xanh (trung hòa các-bon) và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

- Xanh hóa các ngành kinh tế qua việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

## 2. Yêu cầu

- Kế hoạch hành động phải phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trên tinh thần triển khai đầy đủ quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đề ra các bước cụ thể, lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm của từng cấp, từng ngành và xây dựng được những giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp; kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn để thực hiện các mục tiêu đề ra; gắn nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh cho các cơ quan, công sở, trường học, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp.

- Rà soát các quy định của tỉnh nhằm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và lồng ghép các nội dung về tăng trưởng xanh vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## II. NỘI DUNG HÀNH ĐỘNG

UBND tỉnh Bình Dương, đề ra các hoạt động, nhiệm vụ cụ thể cho giai đoạn 2023-2030. Bao gồm: 18 chủ đề, cụ thể như sau:

**1. Chủ đề 1: Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh,** bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

1.1. Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện khung cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ theo hướng tăng cường tính liên ngành, liên vùng, thúc đẩy các ngành xanh, giảm phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai, chú trọng các vùng dễ bị tổn thương (bao gồm 4 hoạt động).

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế.

**2. Chủ đề 2: Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức,** bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

2.1. Xây dựng hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.

2.2. Truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh trong ngành giáo dục, cộng đồng dân cư và các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp.

### **3. Chủ đề 3: Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh**, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

3.1. Nghiên cứu, khảo sát, thống kê số liệu, định kỳ dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh; phổ biến, cung cấp thông tin về thị trường việc làm xanh và tạo điều kiện khuyến khích phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh.

3.2. Tăng cường công tác giáo dục và đào tạo các ngành nghề xanh, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh.

### **4. Chủ đề 4: Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh**, bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

4.1. Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, chủ động huy động mọi nguồn lực hỗ trợ thực hiện tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.

4.2. Nghiên cứu kiến nghị Trung ương chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.

4.3. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững.

### **5. Chủ đề 5: Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

5.1. Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

5.2. Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên chuyển đổi số.

### **6. Chủ đề 6: Hội nhập và hợp tác quốc tế**, bao gồm: 1 nhóm nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyên giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện tăng trưởng xanh.

### **7. Chủ đề 7: Bình đẳng trong chuyển đổi xanh**: Đảm bảo các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là các chủ thể bị ảnh hưởng khi cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người già) được tiếp cận bình đẳng các cơ hội, thông tin, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực, việc làm mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

7.1. Rà soát, xây dựng và bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và tiếp cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội) cho các nhóm

yếu thế (phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế.

7.2. Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế (gồm phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế.

**8. Chủ đề 8: Năng lượng** (đảm bảo an ninh năng lượng theo hướng phát triển các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng và chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của tỉnh. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng; Áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối, giảm tổn thất điện năng, nâng cao hiệu quả sử dụng điện tiến tới xây dựng lưới điện thông minh), bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

8.1. Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị Trung ương về pháp lý để hỗ trợ nghiên cứu công nghệ nhiên liệu xanh (hydrogen xanh, amoniac, nhiên liệu sinh học...); thực hiện một số đề án thử nghiệm sản xuất nhiên liệu xanh; đánh giá tiềm năng thu hồi, sử dụng và lưu giữ các-bon (CCUS).

8.2. Thúc đẩy việc thực thi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nghiên cứu đề xuất Trung ương hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về sử dụng năng lượng hiệu quả.

**9. Chủ đề 9: Công nghiệp** (Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng; Từng bước hạn chế các ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái), bao gồm: 1 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

Rà soát, nghiên cứu, kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách về khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái, làng nghề bền vững; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, vận hành, quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

**10. Chủ đề 10: Giao thông vận tải và dịch vụ logistics** (Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hàng hóa vận tải, thúc đẩy hoạt động logistics theo hướng xanh; Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển dịch vụ logistics theo hướng xanh), bao gồm: 6 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

10.1. Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải, dịch vụ logistics theo hướng xanh.

10.2. Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, hướng dẫn, định mức liên quan nhằm giảm phát thải từ hoạt động giao thông vận tải, phát triển dịch vụ logistics theo hướng xanh.

10.3. Thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch; phát triển công nghiệp sản xuất phương tiện sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

10.4. Nghiên cứu và triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng nhiên liệu, hệ thống tiêu chuẩn khí thải.

10.5. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức; phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh.

10.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải.

**11. Chủ đề 11: Xây dựng** (thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái), bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

11.1. Quy hoạch và phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thải thấp, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai dựa trên nền tảng công nghệ số.

11.2. Xây dựng quy hoạch, nghiên cứu ứng dụng công nghệ và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai, ít có khả năng triệt tiêu hoặc cản trở các lựa chọn giải pháp giảm nhẹ (giảm phát thải) khác trong tương lai.

11.3 Thúc đẩy phát triển công trình xanh, công trình sử dụng năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai; công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0.

11.4. Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường; tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong sản xuất vật liệu xây dựng theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu phát thải khí thải nhà kính và ô nhiễm môi trường.

**12. Chủ đề 12: Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp** (phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; xây dựng nông thôn mới có lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; chú trọng quản lý rủi ro thiên tai, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường), bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

12.1. Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, có năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

12.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất nông lâm thủy sản theo hướng xanh, thông minh, ứng dụng quy tắc kinh tế tuần hoàn, bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai; tăng cường hấp thụ và lưu giữ các-bon dựa trên hệ sinh thái ngành nông lâm nghiệp.

12.3. Thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn và chuỗi giá trị nông sản xanh.

12.4. Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng.

12.5. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiệu quả, bền vững, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

**13. Chủ đề 13: Quản lý chất thải** (tăng cường công tác quản lý chất thải thông qua việc nghiên cứu và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, công nghệ xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn), bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

13.1. Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.

13.2. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ xử lý, tái chế chất thải theo hướng chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất và thu hồi năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

**14. Chủ đề 14: Quản lý chất lượng không khí** (ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh các chất ô nhiễm không khí đối với các ngành, lĩnh vực và tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất lượng không khí), bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

14.1. Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí; nâng cao năng lực, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng không khí xung quanh, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

14.2. Xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng cải tiến và đổi mới công nghệ hướng tới đạt đồng lợi ích về giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm không khí và khí nhà kính.

**15. Chủ đề 15: Quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, đa dạng sinh học;** phát triển kinh tế biển xanh (làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên; tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai và đa dạng sinh học thông qua đảm bảo an ninh tài nguyên nước, bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước quốc gia, thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, thủy điện liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực; đảm bảo an toàn đập và hồ chứa nước, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chống chịu và thích ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân), bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

15.1. Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý về sử dụng nước tiết kiệm, tuân hoán nước, đảm bảo an ninh tài nguyên nước và bình đẳng giữa các đối tượng sử dụng nước.

15.2. Phát triển và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thủy lợi liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ và lĩnh vực tàng các ngành chống thiên tai, quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông.

15.3. Đẩy nhanh chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý và cơ sở dữ liệu về quản lý tài nguyên nước.

15.4. Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; xử lý, phục hồi ô nhiễm hóa chất tồn lưu trong đất.

15.5. Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học.

**16. Chủ đề 16: Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững (đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng),** bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

16.1. Thúc đẩy các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh.

16.2. Đẩy mạnh mua sắm công xanh, tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu; tập trung đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh; đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.

**17. Chủ đề 17: Y tế,** bao gồm 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

17.1. Xây dựng nền y tế xanh, thông minh, bền vững.

17.2. Thúc đẩy công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo hướng nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí của người dân.

**18. Chủ đề 18: Du lịch,** bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động như sau:

18.1. Rà soát, nghiên cứu, kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

18.2. Uu tiên phát triển các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch thể thao mạo hiểm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh...), phát triển sản phẩm du lịch xanh.

Các nhiệm vụ, hoạt động trên được chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đơn vị đầu mối:** Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối phối hợp triển khai, theo dõi, tổng hợp báo cáo đánh giá quá trình thực hiện Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động quốc gia và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp và báo cáo UBND tỉnh thực hiện hoạt động số 1.1.1, 1.1.2 tại Phụ lục đính kèm theo thời gian triển khai từ Bộ, ngành Trung ương.

**2. Các sở, ban, ngành;** UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch hành động của UBND tỉnh phê duyệt, tình hình thực tế địa phương, đơn vị và nội dung cụ thể của từng hoạt động tại Phụ lục Danh mục nhiệm vụ,

hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2030 (*Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo kế hoạch này*); chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao. Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch hành động này với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm giai đoạn 2021-2025; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp nhằm sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả; đổi mới các nhiệm vụ mới cần xây dựng các đề án, dự án, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan. Kế hoạch triển khai cụ thể; đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện hành động tăng trưởng xanh định kỳ hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 11, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

#### **IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** Giai đoạn 2023-2030.

#### **V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2023-2030 gồm:

- Ngân sách Nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế.

- Hỗ trợ quốc tế: vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi cho tăng trưởng xanh.

- Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân: tín dụng xanh, trái phiếu doanh nghiệp xanh; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho tăng trưởng xanh, thu từ trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

- Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác: vốn huy động công - tư cho các dự án xanh, các quỹ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh, các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Noi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT và Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Ngân hàng NNVN-CN tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Báo, Đài PTTH BD, Website tỉnh;
- LDVP, KT, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Minh**

PHÙ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI

(Kèm theo Kế hoạch số: 396/ KHH-TBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	<b>Chủ đề 1: Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh</b>					
1.1	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện khung cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lanh thổ theo hướng tăng cường tính liên ngành, liên vùng, thúc đẩy các ngành xanh, giảm phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, chú trọng các vung đê bờ biển thương					
1.1.1	Tổ chức Ban Chỉ đạo tỉnh về tăng trưởng xanh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) (Cao)	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (1) thành lập Ban chỉ đạo tỉnh về tăng trưởng xanh; (2) Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo; Chương trình công tác hàng năm.	
1.1.2	- Thành lập Ban chỉ đạo. - Ban hành, tổ chức triển khai Quy chế hoạt động và các Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo.	2023				
1.1.2	Hướng dẫn triển khai xây dựng các văn bản cụ thể hóa định hướng thực hiện tăng trưởng xanh các cấp (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050.	
1.1.3	Xây dựng lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050.	2023 - 2023			Các khóa tập huấn, hoạt động hỗ trợ.	
1.1.3	Sau 01 năm kể từ ngày Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt, ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh và/hoặc tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lanh thổ phù hợp với tình hình thực tiễn.	2023			Lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050.	
1.1.3	Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới.	2023 - 2030			Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lanh thổ, các ngành, lĩnh vực, đã tích hợp tăng trưởng xanh và hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050; Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.	
1.1.3	Danh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo các cấp: các ngành nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (tích hợp chính sách, huy động nguồn lực...)	2023 - 2030	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan			
(Cao)						

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.1.3 a	- Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tình để bị tôn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh		Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Dự án Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
1.1.3 b	Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tình để bị tôn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do thiên tai và da thiêu tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Dự án, nghiên cứu, văn bản hướng dẫn.
1.1.3 c	Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh		Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
1.1.3 d	Phối hợp Trung ương cung cấp cơ sở dữ liệu về tình để bị tôn thương, rủi ro, tổn thất, thiết kế để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, da thiêu tai cấp quốc gia. Tích hợp kết quả đánh giá vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách các cấp, các ngành theo thẩm quyền.		Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
1.1.4	Nghiên cứu áp dụng các mô hình, công cụ, chính sách đẩy mạnh kinh tế xanh (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
1.2	Rà soát kiến nghị Trung ương thể chế hóa, giám sát việc điều chỉnh, bổ sung áp dụng các chính sách, mô hình, công cụ kinh tế mới để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, bền vững, đảm bảo bình đẳng và năng lực cạnh tranh, phát huy vai trò quan trọng của khu vực tư nhân trong quá trình chuyển đổi xanh.		Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Danh giá thực trạng và khuyến nghị các công cụ kinh tế xanh giai đoạn 2022 - 2030; đề án, nghiên cứu về thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh. Các nhiệm vụ triển khai theo khuyến nghị của đề án, nghiên cứu cập nhật theo bối cảnh mới.
1.2.1	Hướng dẫn, triển khai hệ thống chỉ tiêu thông kê về tăng trưởng xanh, bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của các doanh nghiệp, đề xuất lô trình doanh nghiệp công bố thông tin tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
1.2.2	Hướng dẫn, triển khai cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh (Cao) - Xây dựng, hướng dẫn về giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo, bao gồm cơ chế huy động sự tham gia của các bên liên quan trong cung cấp thông tin, gửi bao cáo phục vụ đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan



S/T	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.2.3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo thường niên, sơ kết giữa kỳ vào năm 2025, tổng kết thực hiện vào năm 2030 theo ngành, lĩnh vực, địa phương, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.</li> </ul>	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Văn bản hướng dẫn/triển khai thực hiện về hệ thống doanh nghiệp, báo cáo, thẩm định (MRV); Kết quả kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia (Cao)</p>
1.2.4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đổi mới hệ thống MRV và tổ chức kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí cấp quốc gia.</li> <li>Đổi mới hệ thống MRV và thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu khí nhà kính theo ngành, lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, các ngành: tiêu ngành công nghiệp có mức tiêu thụ năng lượng cao; nông nghiệp lâm nghiệp và sử dụng đất; quản lý chất thải).</li> <li>Đổi mới thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải các chất ô nhiễm không khí tại địa phương.</li> </ul>	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Các cơ sở dữ liệu: tăng trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia. Hệ thống quản lý, giám sát đánh giá tăng trưởng xanh các ngành, các cấp được số hóa; Công thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia.</p>
2	<b>Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức</b>			
2.1	Xây dựng hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa sông xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống (Cao)	2023 - 2025	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Văn bản hướng dẫn về văn hóa sông xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.</p>
2.2	Truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sông xanh, lối sống xanh trong ngành giáo dục, cộng đồng dân cư và các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp.			
2.2	Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội, khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên gắn với các giá trị văn hóa truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông của các cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Kế hoạch truyền thông của các ngành, các lĩnh vực, tích hợp vào chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình Môi xã mới sản phẩm.</p>
3	<b>Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh</b>			
3.1	Nghiên cứu, khảo sát, thống kê số liệu, định kỳ dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh; phổ biến, cung cấp thông tin về thị trường việc làm xanh và tạo điều kiện khuyến khích phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh.			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
3.1.1	Xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá và tổng hợp thông tin về việc làm xanh từ cấp cơ sở, ngành tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Tiến hành phương pháp đánh giá và tổng hợp thông tin về việc làm xanh.
3.1.2	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh dựa trên định hướng của các ngành (có phân rõ các chỉ tiêu theo giới tính, dân tộc, vùng miền, độ tuổi). Hình thành, phát triển hệ thống thông tin thi truyềnlao động quốc gia cho các ngành nghề xanh (dự báo nhu cầu lao động, yêu cầu về năng lực, kỹ năng...), kết nối cung và cầu trong thị trường lao động Việt Nam xanh (Cao)	2023 - 2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Dự án nghiên cứu nhu cầu nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh.
3.2	Tăng cường công tác giáo dục và đào tạo các ngành nghề xanh, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh.	2023 - 2030			Chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học có tích hợp các nội dung về tăng trưởng xanh.
3.2.1	Tích hợp tăng trưởng xanh vào chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học; mở rộng ngành đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh; xây dựng tiêu chí, mở rộng triển khai xây dựng mô hình trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh (Nhóm B, E);				
3.2.1 a	- Đổi mới giáo dục các cấp học.		Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	
3.2.1 b	- Đổi mới giáo dục nghề.		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Tiêu chí và mô hình trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh, Chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học có tích hợp các nội dung về tăng trưởng xanh, Mô ngành đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh.
3.2.2	Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với khối tư nhân để đào tạo các ngành nghề xanh theo quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế và nhu cầu lao động trong các ngành nghề xanh của thành phần kinh tế tư nhân hiện	2023 - 2030			
3.2.2 a	- Đổi mới giáo dục sau phổ thông.		Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	
3.2.2 b	- Đổi mới giáo dục dạy nghề.		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các chương trình đào tạo ngành nghề xanh được tích hợp quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong nước.	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
3.2.3	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số (Cao)	2023 - 2030	Sở Nội vụ theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
3.2.3 a	- Đổi mới doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng và khôi phục trung và cao, khôi phục tín dụng).				
3.2.3 b	- Đổi mới doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.				
3.2.3 c	- Đổi mới doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.				
3.2.3 d	- Đổi mới doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.				
<b>4 Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh.</b>					
4.1	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, chủ động huy động mọi nguồn lực hỗ trợ thực hiện tăng trưởng xanh, chuyên đổi xanh.				
4.1.1	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án xanh/ tăng trưởng xanh trọng điểm trong từng thời kỳ (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Danh mục nhiệm vụ, dự án xanh/ tăng trưởng xanh trọng điểm các ngành, các cấp
4.2	Nghiên cứu kiến nghị Trung ương chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, chuyên đổi xanh.				
4.2.1	Tham mưu ban hành hương dân thực đẩy đầu tư xanh theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) (Cao)	2023 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm thúc đẩy đầu tư xanh trong phương thức công tư.
4.2.2	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách quản lý và ưu tiên sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh, chuyên đổi xanh (Cao)	2023 - 2030			Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công theo hướng ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh ; Các kè hoạch đầu tư công và dù toàn chí ngân sách nhà nước các cấp theo hướng ưu tiên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
4.2.2 a	Rà soát kiến nghị chính sách và chất lượng thể chế quản lý đầu tư công. Kê hoạch đầu tư công trung hạn.		Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	DANH SÁCH NGƯỜI LỰC TƯNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO TĂNG TRƯỞNG XANH
4.2.2 b	Kê hoạch chi thường xuyên hàng năm.		Sở Tài chính theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện		
4.2.2 c	Kê hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách		Sở Tài chính theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện		
4.2.3	Thúc đẩy huy động nguồn lực từ thị trường trao đổi quyên phái thai, thị trường các-bon thông qua thiết lập, triển khai cơ chế, chính sách thực hiện cơ chế phát triển bền vững (Sustainable Development Mechanism - SDM) phù hợp với Bộ quy tắc hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Paris (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Đề án nghiên cứu, hoạt động triển khai cơ chế phát triển bền vững; Văn bản quy phạm pháp luật/ hướng dẫn về chính sách triển khai cơ chế phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh
4.2.4	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tín dụng xanh và ngân hàng xanh	2023 - 2025	Ngân hàng nhà nước VN - Chi nhánh tỉnh Bình Dương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan các Hội và các đơn vị có liên quan; các ngân hàng chính sách và các tổ chức tín dụng.	Văn bản hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường và xã hội, rủi ro khí hậu và thiên tai trong hoạt động cấp tín dụng.
4.3	Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững.				
4.3.1	Rà soát phối hợp kiến nghị Trung ương xây dựng và thực hiện các giải pháp tiếp cận, huy động các nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân quốc tế (Cao)		Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	
4.3.2	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn nước ngoài cho tăng trưởng xanh; ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế cho các dự án xanh	2023 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	DUONG

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
4.3.3	Rà soát kiến nghị Trung ương ban hành chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, tín dụng xanh, tái chế khai thác và khai thác khích đầu tư vào các dự án xanh, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh (Cao)	2023 - 2025	Sở Tài chính theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND, các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi và tài chính cho đầu tư xanh, tín dụng xanh.
4.3.4	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các giải pháp tập trung nguồn lực cho tín dụng xanh (Cao)	2023 - 2025	Ngân hàng nhà nước VN - Chi nhánh tỉnh Bình Dương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan các Hội và các đơn vị có liên quan; các ngân hàng chính sách và các tổ chức tín dụng.	Quy định về chỉ tiêu thống kê tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng
4.3.5	Tăng cường triển khai đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng	2023 - 2025			
<b>5 Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo</b>					
5.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.				
5.1.1	Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyên giáo công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường; thúc đẩy nâng cao năng suất đưa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện thẩm định công nghệ theo quy định (Cao)	2023 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Đề án khuyến nghị, văn bản quy định cơ chế, chính sách khuyễn khích chuyên giao công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện môi trường ; Văn bản quy định quy chuẩn, tiêu chuẩn và công tác thẩm định công nghệ xanh.
5.1.2	Rà soát kiến nghị Trung ương xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp theo hướng xanh và ban hành hướng dẫn triển khai. Khuyến khích áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến, đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh đổi mới doanh nghiệp trong ngành sản xuất (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	- Nghiên cứu, chương trình, đề án khuyến nghị chính sách.
5.2	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên chuyên đổi số.				
5.2.1	Triển khai các chương trình chuyên đổi số nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng xanh, phát triển bền vững (Cao)	2023 - 2030			
5.2.1 a	Tập trung xây dựng hạ tầng cho chuyên đổi số phục vụ tăng trưởng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chương trình, kế hoạch đầu tư hạ tầng đồng bộ trong chuyên đổi số.		Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các dự án, kế hoạch, các hoạt động triển khai các Chương trình; Kế hoạch, hoạt động đầu tư hạ tầng đồng bộ cho chuyên đổi số phục vụ tăng trưởng xanh.
5.2.1 b	Đối với Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.		Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5.2.2	Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh. Hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử các cấp (Cao)	2023 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các cơ quan
6	<b>Hội nhập và hợp tác quốc tế</b>			DANH SÁCH DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ (Đề xuất)
6.1	Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyên giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh, nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các Thỏa thuận Hợp tác, hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực theo ngành, lĩnh vực và các cấp theo thẩm quyền.
7	<b>Bình đẳng trong chuyển đổi xanh: Đảm bảo các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là các chủ thể bị ảnh hưởng khi cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.</b>			INH DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ (Đề xuất)
7.1	Rà soát, xây dựng và bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và tiếp cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội) cho các nhóm yếu thế (phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế.			ĐĂNG
7.1.1	Phân tích và dự báo những tác động khi có thay đổi về chính sách đến cuộc sống của hộ gia đình và người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh (Cao)	2023 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
7.1.2	Rà soát, xây dựng và bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế (Cao)	2023 - 2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các chương trình, đề án dành cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế: (1) chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực; (2) chính sách ưu đãi hỗ trợ tiếp cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội); (3) tiếp cận các kênh thông tin lao động, việc làm; các trễn bộ khoa học và công nghệ và các cơ hội thương lối trong tăng trưởng xanh; (4) các khóa đào tạo nâng cao năng lực.
7.2	Thực đẩy, thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế (gồm Phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế			Các bô sung, hướng dẫn thực hiện trong 3 chương trình mục tiêu quốc gia
7.2.1	Tích hợp và thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong ba chương trình mục tiêu Quốc gia (giai đoạn 1 từ 2021 - 2025)	2023 - 2025		

Số T/T	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8.2.1 a	- Quy định kỹ thuật đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ năng lượng.		Sở Công Thương theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
8.2.1 b	- Quy định tài chính đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ năng lượng.		Sở Tài chính theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
9	<b>Công nghiệp:</b> - Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng; - Từng bước hạn chế các ngành phải sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái.			
9.1	Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách về khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề các khu công nghiệp, cum công nghiệp, làng nghề.			
9.1.1	Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng thúc đẩy khu công nghiệp sinh thái, khu chế xuất theo hướng tăng trưởng xanh, tăng cường công sinh công nghiệp đổi mới khu công nghiệp	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	Phát triển Khu công nghiệp sinh thái: Rà soát kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách, tài liệu hướng dẫn về đầu tư cơ sở hạ tầng thúc đẩy khu công nghiệp sinh thái; áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng mới, chuyển đổi các khu công nghiệp theo hướng khu công nghiệp sinh thái; xây dựng các trung tâm chuyên giao và mua bán chất thải có thể tái chế trong các khu công nghiệp sinh thái.			Văn bản quy phạm pháp luật về áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn tổng xây dựng, quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế; Dự án về phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo hướng sinh thái, cộng sinh công nghiệp; Dự án đầu tư trung tâm chuyên giao và mua bán chất thải có thể tái chế trong các khu công nghiệp sinh thái.
9.1.2	Xây dựng, hình thành các cụm công nghiệp sinh thái, chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển cụm công nghiệp sinh thái, làng nghề bền vững, các mô hình, sáng kiến công sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong và giữa các cụm công nghiệp.	2023 - 2027	Sở Công Thương theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	
10	<b>Giao thông vận tải và dịch vụ logistics:</b> - Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.			



STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiểm)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	- Phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường, tiết kiệm thời gian di lại; ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, khai thác vận tải hành khách công cộng.				
	- <b>Đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hàng hóa vận tải, thúc đẩy hoạt động logistics theo hướng xanh.</b>				
10.1	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải, thúc đẩy hoạt động logistics theo hướng xanh.	2023 - 2025	Sở Công Thương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Thống tư về quy định, tiêu chuẩn trạm sạc, depot
10.1.1	Lập quy hoạch phát triển hệ thống trạm sạc, depot... cho phương tiện giao thông điện; xây dựng quy định, tiêu chuẩn về trạm sạc cho phương tiện giao thông điện (Cao)	2023 - 2025	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Thống tư về quy định, tiêu chuẩn trạm sạc, depot
10.2	Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, hướng dẫn, định mức liên quan nhằm giám sát phát thải từ hoạt động giao thông vận tải, phát triển dịch vụ logistics theo hướng xanh.				
10.2.1	Hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện giao thông vận tải, quy chuẩn, định mức trong nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường (Cao)	2023 - 2025	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các văn bản quy định về (1) quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện giao thông vận tải; (2) quy chuẩn, định mức trong nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi phương tiện.
10.3	Thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch; phát triển công nghiệp sản xuất phương tiện giao thông vận tải thân thiện với môi trường.				
10.3.1	Xây dựng, thực hiện các mô hình thí điểm, huy động nguồn lực xã hội để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng và phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch	2023 - 2025	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Dề án thí điểm chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng và phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch.
10.3.2	Xây dựng, triển khai lộ trình thúc đẩy doanh nghiệp và người dân chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch trên phạm vi toàn quốc.	2022 - 2030			Lộ trình, dự án, đề án: (1) chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân sang phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện và năng lượng sạch.
10.4	Nghiên cứu và triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng nhiên liệu, hệ thống tiêu chuẩn khí thải.				
10.4.1	Triển khai đồng bộ các dự án ứng dụng năng lượng sạch vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông (hệ thống giám sát giao thông, báo hiệu, do mục nước tự động sử dụng đèn năng lượng mặt trời trên các tuyến đường thủy, thông báo luồng..) (Cao)	2023 - 2030	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các dự án ứng dụng năng lượng sạch vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông.
10.5	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh.				
10.5.1	Tích hợp tăng trưởng xanh nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải. Tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới, nhất là đối với hàng hóa quá cảnh (Cao)	2023 - 2025	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải được tích hợp nội dung tăng trưởng xanh; Các đề án, dự án nâng cao khả năng kết nối và phát triển vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
		Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	
10.5.2	Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác, vận hành cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (các hệ thống cảng hàng không, đường cao tốc, cảng và đường thủy nội địa, cảng biển, đường sắt, giao thông công cộng...) theo các quy hoạch đã tích hợp tăng trưởng xanh (Cao).	2023 - 2030	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	 Sở Giao thông vận tải, các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.5.3	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh (Cao):	2023 - 2030		Các dự án hoàn thiện kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, tương hỗ từ các ngành; Sản giao dịch logistics; Tiêu chí phân loại, phân hạng, tiêu chuẩn quốc gia về trung tâm logistics xanh.
10.5.3 a	Đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ logistics. Phát triển sản giao dịch logistics.		Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.5.3 b	Ban hành tiêu chí phân loại, tiêu chuẩn về trung tâm logistics tích hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn về tăng trưởng xanh. Cải thiện cơ sở hạ tầng logistics gắn với thương mại điện tử.		Sở Công Thương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.5.3 c	Hoàn thiện hạ tầng logistics phục vụ nông nghiệp theo hướng xanh.		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.5.3 d	Đảm bảo quy hoạch, cơ cấu sản xuất địa phương gắn với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics.		Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.6	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải			
10.6.1	Đẩy mạnh chính quyền số trong giao thông vận tải (Cao)			
10.6.1 a	- Xây dựng cơ sở dữ liệu cho mọi hoạt động nghiệp vụ, sử dụng dữ liệu số cho việc tự động hóa ra quyết định và hỗ trợ ra quyết định.	2023 - 2025	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
10.6.2	Đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong giao thông vận tải và dịch vụ logistics hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh (Cao)			Cơ sở dữ liệu, Đề án về ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hoạt động vận tải đường bộ toàn quốc, bao gồm vận tải công cộng tại các thành phố lớn.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Phân công trách nhiệm		Đề án, Đề án, Nhiệm vụ (Độ kiến)
		Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	
11.1	Triển khai đồng bộ hệ thống thu phí điện tử không dừng (ETC) tại tất cả các trạm thu phí trên địa bàn tỉnh, đảm bảo toàn bộ phương tiện ô tô sử dụng tại khoản thu phí điện tử để thanh toán da mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.	2023 - 2030	Sở Giao thông vận tải theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Dự án Lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh (ITS); các trung tâm tích hợp quản lý, điều hành giao thông của đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.
11.2	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, khai thác tại các bến xe, hệ thống kho bãi, cảng biển, ICD...			Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, khai thác tại các bến xe, hệ thống kho bãi, cảng biển, ICD...
10.6.3	Đẩy mạnh xã hội số trong giao thông vận tải. Tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giao thông vận tải đối với đội ngũ chuyên gia và kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngành giao thông vận tải.			Đẩy mạnh xã hội số trong giao thông vận tải. Tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giao thông vận tải đối với đội ngũ chuyên gia và kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngành giao thông vận tải.
11	Xây dựng: <b>Thúc đẩy đô thị thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái.</b>			Xây dựng: <b>Thúc đẩy đô thị thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái.</b>
11.1	Quy hoạch và phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thai thấp, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiên tai			Quy hoạch và phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thai thấp, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiên tai dựa trên nền tảng công nghệ số.
11.1.1	Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách và quy hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thai thấp, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiên tai (Cao)	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện
	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và hướng dẫn quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh.			Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thi, xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, đốt thi phát thai các-bon thấp, chống chịu với biến đổi khí hậu.
11.1.2	Đẩy mạnh giám sát và đánh giá các mục tiêu xây dựng đô thi tăng trưởng xanh theo hướng đô thi thông minh bền vững, phát thai các-bon thấp, tăng cường năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, thiên tai, da thiên tai (Cao)		Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Đẩy mạnh giám sát và đánh giá các mục tiêu xây dựng đô thi tăng trưởng xanh theo hướng đô thi thông minh bền vững, phát thai các-bon thấp, tăng cường năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, thiên tai, da thiên tai (Cao)
11.2	Xây dựng quy hoạch, nghiên cứu ứng dụng công nghệ và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thi theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiên tai, ít có khả năng triệt tiêu hoặc cản trở các lứa con giải pháp giảm nhẹ (giảm phát thai) khác trong tương lai			Xây dựng quy hoạch, nghiên cứu ứng dụng công nghệ và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thi theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiên tai, ít có khả năng triệt tiêu hoặc cản trở các lứa con giải pháp giảm nhẹ (giảm phát thai) khác trong tương lai



TỈNH  
ĐIỀU KIỆN  
ĐỀ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ (ĐỘ KIẾN)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
11.2.1	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai (Cao)	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai.
11.2.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ triển khai hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai (Cao)	2023 - 2030		
11.2.2 a	Công nghệ xử lý nước thải, bùn thải đô thị nhằm giảm thiểu phát thải khí metan, kết hợp thu hồi tái nguyên, sản xuất năng lượng.		Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
11.2.3	Công nghệ mới có hiệu suất năng lượng cao, thông minh trong đầu tư xây dựng, khai thác quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (1) phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải, bùn thải đô thị; (2) công nghệ mới có hiệu suất năng lượng cao, thông minh trong đầu tư xây dựng, khai thác quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị
11.2.2 b	Tăng cường năng lực và đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai: vực: cấp thoát nước; thu gom và xử lý nước thải, bùn thải đô thị.	2023 - 2030		
11.3	Tăng cường năng lực.			Chương trình, Dự án tăng cường năng lực.
	Đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh trong các lĩnh vực: cấp thoát nước; thu gom và xử lý nước thải, bùn thải đô thị.			Chương trình, đề án đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, có năng lực chống chịu trong các lĩnh vực.
	Thúc đẩy phát triển công trình xanh, công trình sử dụng năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai; Công trình phát thải các bon thấp, công trình PTR0.			
11.3.1	Xây dựng, triển khai lộ trình, kế hoạch khử các-bon ngành xây dựng đến năm 2050; thúc đẩy phát triển công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0 trong toàn bộ vòng đời công trình. Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện công trình PTR0 cho các loại công trình; xây dựng hệ thống đánh giá và chứng nhận công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0 (Cao)	2023 - 2030	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Lộ trình, kế hoạch hành động khu các-bon ngành xây dựng đến năm 2050; Lộ trình, kế hoạch hành động, đề án về phát triển công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0 trong toàn bộ vòng đời công trình; Hướng dẫn kỹ thuật, hệ thống đánh giá và chứng nhận công trình PTR0 cho các loại công trình khác nhau.
11.3.2	Hoàn thiện, giám sát các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức cho công trình xanh công tinh sử dụng năng lượng hiệu quả, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, da thiền tai, công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0 (Cao)	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan

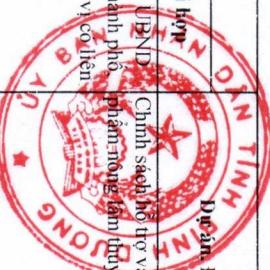


Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức về tiêu hao năng lượng trong các công trình xây dựng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh, công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0, chất lượng môi trường bên trong các công trình xây dựng.				Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật theo nội dung nhiệm vụ, hoạt động được giao.
	Các tiêu chuẩn, bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, chứng nhận các loại sản phẩm vật liệu xây dựng (tiết kiệm năng lượng, xanh, thân thiện với môi trường, phát thải các-bon thấp) sử dụng cho các công trình xanh.				
11.3.3	Tăng cường thực hiện và giám sát triển khai các quy định của QCVN 09:2017/BXD	2023 - 2030	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các tiêu chuẩn, bộ tiêu chí, hướng dẫn đánh giá, chứng nhận sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, xanh, phát thải các-bon thấp.
11.3.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình tiết kiệm năng lượng, công trình xanh, công trình phát thải các-bon thấp, công trình hiệu quả năng lượng, công trình tăng trưởng xanh quốc gia" (Cao)	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.	Các công trình đáp ứng các quy định của QCVN 09:2017/BXD.
11.4	Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường; tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong sản xuất vật liệu xây dựng theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu phát thải khí thải nhà kính và ô nhiễm môi trường.				
11.4.1	Rà soát kiến nghị Trung ương tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng cho các tiêu nganh vật liệu xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến vật liệu xây không nung, công trình sử dụng vật liệu xây không nung. (Cao)	2023 - 2025	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng cho các tiêu nganh vật liệu xây dựng. Quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung. Tiêu chuẩn thiết kế, thi công, nghiên thu công trình sử dụng vật liệu xây không nung. Văn bản quy định, hướng dẫn về đeo dạc, kiểm tra, chứng nhận sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xây dựng xanh;
11.4.2	Xây dựng, triển khai giám sát, đánh giá và cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây không nung (Cao)	2023 - 2030	Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Văn bản hướng dẫn giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.
	- Cơ chế giám sát, đánh giá đảm bảo tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung đối với các công trình xây dựng theo đúng quy định. - Cơ sở dữ liệu tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".				

Số TT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		TINH DỰ ÁN, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
11.4.3	Nghiên cứu phát triển và thúc đẩy ứng dụng công nghệ		Sở Xây dựng theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Dự án phổ biến công nghệ về phát triển vật liệu xây dựng
	- Phổ biến công nghệ về phát triển vật liệu xây dựng giảm phát thải khí nhà kính.	2023 - 2025			Đề án phổ biến công nghệ về phát triển vật liệu xây dựng
	- Hiển đại hóa công nghệ sản xuất, sử dụng các loại nhiên liệu xanh, sạch, thân thiện với môi trường, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu đối với các nhà máy, cơ sở sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng (Cao).	2023 - 2030			Đề án, dự án hiện đại hóa công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng
	- Sử dụng nguyên vật liệu từ tro bay nhiệt điện, chất thải công nghiệp tái chế, chất thải xây dựng tái chế để sản xuất vật liệu xây dựng (Cao).				Đề án, dự án hiện đại hóa công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng
	- Tận dụng phê thải của các ngành khác làm nhiên liệu trong sản xuất vật liệu xây dựng.				Đề án, dự án hiện đại hóa công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng
12	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:				
	- Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuân hoà, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp; nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rau, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.				
	- Xây dựng nông thôn mới có lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; chú trọng quản lý rủi ro thiên tai, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.				
12.1	Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuân hoà, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, có năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.				
12.1.1	Rà soát kiến nghị Trung ương xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình về tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (Cao)	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các kế hoạch về (1) ứng phó với biến đổi khí hậu, (2) bảo vệ môi trường. Các chương trình về (1) quản lý sức khỏe cây trồng (IPHM), (2) phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ, (4) "Một sốt khỏe" gắn với tăng cường năng lực ngành thủy sản 2021 - 2030, (5) khí sinh học giai đoạn 2021 - 2030, (6) đào tạo nhân lực ngành nông nghiệp phục vụ tăng trưởng xanh, (7) nghiên cứu và khuyến nông phục vụ tăng trưởng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp, (8) các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh giám định, (9) phát triển kinh tế nông nghiệp, (1) phát triển nông nghiệp hữu cơ, áp dụng VietGAP và các quy trình tương đương, (2) phát triển kinh tế nông nghiệp, (3) khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, Dư án nâng cao năng lực thực hiện, giám sát, đánh giá các chỉ tiêu phát triển ngành Lâm nghiệp.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		DANH TINH Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
12.1.2	Điều chỉnh, chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản theo hướng giảm phát thải, nâng cao năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai (Cao)	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hương dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án, quy hoạch phát triển, đề án, dự án, hoạt động thực dân cư, các tiêu chuẩn theo hướng dẫn, cản cứ các tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện
	Điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ chế chuyên đổi mục đích sử dụng đất lúa phù hợp với điều kiện địa phương (đánh giá hiện trạng sử dụng đất lúa; rà soát hiện trạng an ninh lương thực; nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu, khả năng thích nghi của các loại cây trồng và xu hướng thi trường...).				
12.2	<p>Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản chuyên đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, có hiệu quả cao, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tại chỗ nhằm góp phần bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính.</p> <p>Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất nông lâm thủy sản theo hướng xanh, thông minh, ứng dụng quy tắc kinh tế tuần hoàn, bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai; tăng cường hấp thụ và lưu giữ các ion dựa trên hệ sinh thái ngành nông lâm nghiệp.</p> <p>Các mô hình, phương thức, quy trình, công nghệ về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản xanh, tuần hoàn, thông minh, ứng dụng công nghệ cao, các giống cây trồng, vật nuôi đổi mới trong nuôi trồng thủy sản có hiệu quả cao, phát triển bền vững, có năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai.</p> <p>Các công nghệ, thiết bị mới giúp (1) nâng cao hiệu quả số chăn nuôi, chăn nuôi nông lâm thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả vật tư và tài nguyên đầu vào, giảm tổn thất sau thu hoạch.</p> <p>Các công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chế phẩm nông nghiệp: các mô hình xã hội hóa, liên kết trong thu gom, xử lý và tái sử dụng chất thải - tái chế phụ phẩm, chế phẩm trong sản xuất nông lâm thủy sản.</p>	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các dự án, hoạt động triển khai, bao gồm mô hình thí điểm theo nội dung nhiệm vụ, hoạt động được giao.
12.3	Thực đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn và chuỗi giá trị nông sản xanh.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án phát triển các vùng sản xuất nông lâm thủy sản tập trung, trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ cao.
	Khuyến khích chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và phân tán sang sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất tập trung gắn quy mô trang trại, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với các tiêu chuẩn chứng nhận, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sinh học và dày mảnh ứng dụng công nghệ cao.				

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
12.3.2	<b>Phát triển chuỗi giá trị nông sản xanh (Cao)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thị trường cho các sản phẩm nông lâm thủy sản sản xuất theo hướng xanh dưới các hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đầu tư và sản xuất, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ chi phí và thủ tục bảo hộ sở hữu trí tuệ, chi phí và thủ tục cấp chứng nhận, trợ giá sản phẩm, chuyển từ xuất khẩu tiêu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch.</li> </ul>	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt các sản phẩm nông sản được chứng nhận an toàn.			
12.4	Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng.			
12.4.1	Tăng cường bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên nhằm kiểm soát mất rừng, say thoái rừng, cháy rừng, chuyển đổi rừng tự nhiên, tăng khả năng lưu giữ và hấp thụ các-bon của rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng, nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng thông qua tăng cường giám sát tại nguyên rừng.	2023 - 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	- Điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả quản lý rừng thông qua thiết lập hệ thống giám sát tại nguyên rừng (Cao).			
	- Bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt đổi mới khu vực nhạy cảm về môi trường; phát triển dịch vụ môi trường rừng (Cao).	2023 - 2030		
	Tham mưu giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng rừng và đất rừng nhằm huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng, cải thiện sinh kế của người dân			
12.4.2	Tăng cường trồng và phục hồi rừng nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời cung cấp nguyên liệu tập trung, phát triển nông lâm kết hợp, trồng cây xanh phân tán, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, đẩy mạnh xâ hôi hóa đầu tư vào phát triển rừng.		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	Phát triển năng lực lập kế hoạch quản lý rừng bền vững; hỗ trợ kỹ thuật về kinh doanh rừng; (Cao).	2023 - 2025		
	Đẩy mạnh trồng cây xanh phân tán, ưu tiên trồng cây bản địa, thân gỗ lâu năm để cung cấp gỗ và nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, đồng thời tăng cường phòng hộ, bảo vệ và cải thiện cảnh quan môi trường, bảo vệ các loài cây quý hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương.			
				 <b>Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiêm)</b>

Số	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		TINH DÂN
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
12.5	Tăng cường trồng rừng đặc dụng, phòng hộ bằng các loại cây bản địa; ưu tiên trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ(Cao). Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý. Tăng diện tích rừng cây gỗ lớn, mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững (Cao). Phát triển hệ thống nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các Đề án, hoạt động triển khai: (1) Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thuế cây rừng trong giai đoạn 2021 - 2030; (2) Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng gần với chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; (3) Phát triển nông lâm kết hợp trên diện tích đất chưa có rừng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.
12.5.1	Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiếu quả, bền vững, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Đề án, dự án về quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
12.5.2	Thị điểm, nhân rộng các mô hình nông thôn mới hướng tới tăng trưởng xanh, sạch, đẹp và an toàn; Điều chỉnh, thực hiện bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh, xây dựng nếp sống xanh ở nông thôn	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các chương trình, đề án, chính sách khuyến khích triển khai các mô hình nông thôn mới hướng tới tăng trưởng xanh theo nội dung nhiệm vụ, hoạt động được giao.
12.5.3	- Mô hình sản xuất ở nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn; phát triển OCOP xanh, du lịch nông thôn bền vững, thân thiện với môi trường. - Mô hình thu gom, xử lý rác thải, nước thải ở nông thôn, đảm bao các tiêu chuẩn môi trường phân loại và tái chế rác thải thành năng lượng phân bón, vật liệu xây dựng.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án, chương trình, dự án về (1) cải thiện cơ cấu chất đót ở nông thôn; (2) đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo khu vực nông thôn; (3) quản lý chất thải nhựa khu vực nông thôn.
13	Quản lý chất thải: Tăng cường công tác quản lý chất thải thông qua việc nghiên cứu và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, công nghệ xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án, chương trình, dự án về (1) cải thiện cơ cấu chất đót ở nông thôn; (2) đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo khu vực nông thôn; (3) quản lý chất thải nhựa khu vực nông thôn.
13.1	Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.				

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13.1.1	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý tổng hợp chất thải rắn áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn (Cao)			
	Cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, quản lý tổng hợp chất thải rắn theo cơ chế thị trường nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn.			
	Cơ chế chính sách về giám thiêu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa			
	Cơ chế chính sách tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về công tác thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.	2023 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	Các định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các quy định hướng dẫn về phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.			Văn bản quy định chính sách khuyến khích các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải từ khâu sản xuất đến tiêu dùng. Văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế chính sách tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Hướng dẫn kỹ thuật về công tác thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn;
13.1.2	Chuyển đổi số trong công tác quản lý chất thải rắn, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu ở cấp trung ương và địa phương về các loại chất thải rắn, đảm bảo tích hợp đồng bộ với "Hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia" (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
13.1.3	Thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân (Cao)			Hệ thống cơ sở dữ liệu ở cấp trung ương và địa phương
	Thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quy hoạch quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch của các địa phương.			dối với các loại chất thải rắn.
	Thí điểm, nhân rộng các chương trình, dự án giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.			
	Rà soát kiến nghị ban hành các quy định và triển khai các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh.	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
				Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức; Các chương trình, dự án thí điểm và nhân rộng



TỈNH  
BÌNH DƯƠNG  
BAN NHÂN DÂN

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
14.1.2	<p>Hoàn thiện, hiện đại hóa, mở rộng mang lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí và khí thải. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh (Cao)</p> <p>Dầu tu nâng cấp, lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và tu tiên thực hiện đổi với các nguồn khí thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng, hoà thiện hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục từ các cơ sở sản xuất về cơ quan có thẩm quyền. Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát thực hiện và công bố công khai thông tin phát thải chất ô nhiễm đối với các nguồn thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng.</p> <p>- Mang lưới, hệ thống quan trắc môi trường nền và quan trắc tác động môi trường không khí xung quanh quan trắc khí và tác động sức khỏe do ô nhiễm không khí, giám sát ô nhiễm không khí xuyên biên giới; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ quan trắc chất lượng không khí sử dụng cảm biến để mở rộng mang lưới quan trắc không khí.</p> <p>Rà soát, phối hợp Trung ương hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh ở cấp quốc gia và địa phương, tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".</p>	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Dự án đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, vận hành (1) thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục; (2) hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động liên tục; Cơ chế giám sát và quản lý; Đề án đầu tư hiện đại hóa và triển khai thực hiện</p> <p>Thực hiện công bố thông tin; Dự án đầu tư hiện đại hóa và mở rộng mang lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí; Hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng không khí xung quanh các cấp;</p> <p>mô hình mang lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí; Hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng không khí xung quanh các cấp;</p>
14.2	<p>Xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng cải tiến và đổi mới công nghệ hướng tới đạt đồng lợi ích về giảm thiểu phái thai các chất ô nhiễm không khí và khí nhà kính (Cao)</p>	2023 - 2030	Sở Công thương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng cải tiến và đổi mới công nghệ (quy trình và thiết bị sản xuất, sử dụng nhiên liệu sạch, hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí theo quy định của pháp luật, khuyến khích áp dụng các công nghệ, thiết bị xử lý khí thải kết hợp thu hồi năng lượng nhiệt...).</p>
15	<p>Quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, da dạng sinh học; phát triển kinh tế biển xanh:</p> <p>- Làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên.</p> <p>- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai và da dạng sinh học thông qua đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia, thúc đẩy sự dụng hiệu quả tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn da dạng sinh học.</p> <p>- Phát triển, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, thủy điện, kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực; đảm bảo an toàn đập và hồ chứa nước, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.</p>			
15.1	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý về sử dụng nước tiết kiệm, tuân hoán nước, đảm bảo an ninh tài nguyên nước và bình đẳng giữa các đối tượng sử dụng nước			
15.1.1	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý nhu cầu nước, áp dụng kinh tế tuân hoán vào quản lý việc khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, xã hội hóa, hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường phân cấp, huy động nguồn lực, đảm bảo an ninh tài nguyên nước (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan</p> <p>Nghị quyết/ Văn bản quy phạm pháp luật về tăng cường quản lý nhu cầu sử dụng nước và tuân hoán nước; Bộ tiêu chí đánh giá đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia liên kết, đồng bộ với Bộ chỉ tiêu tăng trưởng xanh quốc gia.</p>

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
15.1.2	Rà soát kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách (Cao)	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, chuyên nước, trù nước phục vụ cấp nước sinh hoạt và phát triển kinh tế xã hội; (2) Sử dụng tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, tuân hoán nước trong ngành nông nghiệp, thủy lợi
15.1.3	Tuổi tiếc kiệm, tuân hoán nước nông nghiệp, kiểm soát ô nhiễm nước trong hệ thống thủy lợi.			
15.2	Rà soát nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách và cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, kiểm soát hoạt động xả thải vào nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến an ninh tài nguyên nước quốc gia (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
15.2.1	Tăng cường đầu tư và hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ da ngành, da mục tiêu, tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng xanh, tăng cường tinh chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai, đặc biệt trong trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; tăng cường bao đảm an toàn cho các đập, hồ chứa nước và vùng hạ du (Cao)	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Văn bản quy phạm pháp luật về giám sát, kiểm soát các hoạt động khai thác nước và xả thải vào nguồn nước
15.2.2	Xây dựng các hồ chứa nước phục vụ da mục tiêu, công trình kiểm soát triều.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
15.2.3	Xây dựng, hoàn thiện và kết nối hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn và đô thị, ưu tiên các khu vực thường xuyên có thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện khó khăn.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan



DỰ ÁN  
TÌNH  
BÌNH  
Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiểm)

SIT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		TINH Đề án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
15.2.4	Xây dựng chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai thiết yếu kết hợp sơ tán dân bao gồm đường cứu hộ, cứu nạn, cùm, tuyến dân cư và nhà ở an toàn cho những vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Chương trình tổng thể Phòng, chống thiên tai quốc gia; Các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu và các Hội và các đơn vị có liên quan đang công nghệ mới trong phòng chống thiên tai.
15.3	Đẩy nhanh chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý và cơ sở dữ liệu về quản lý tài nguyên nước.				
15.3.1	Rà soát kiến nghị Trung ương xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia để tạo dữ liệu khung xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ triển khai tăng trưởng xanh, Hoàn chỉnh, duy trì hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu (1) tài nguyên nước quốc gia, địa phương, (2) quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, (3) khai thác, sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương; cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu, quan trắc dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; Các cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước (trữ lượng nước, khai thác, sử dụng nước) tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia"; Đề án/dự án/ chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai quản trị tài nguyên nước quốc gia.
15.3.2	Tăng cường chuyên đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chung của ngành thủy lợi. Xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý thông minh hệ thống thủy lợi, thủy điện và phòng chống thiên tai (Cao)				
15.3.2 a	- Đổi mới hệ thống thủy lợi.		Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	
15.3.2 b	- Đổi mới hệ thống thủy điện.	2023 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Dự án xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý thông minh hệ thống (1) thủy lợi, (2) thủy điện, (3) cảnh báo, du báo thiên tai và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai; Các cơ sở dữ liệu tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".
15.4	Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; xử lý, phục hồi ô nhiễm hóa chất tồn lưu trong đất		Sở Công thương theo dõi, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
15.4.1	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách, thề chế quản lý, tăng hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, đảm bảo phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với bao vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
15.4.2	Tiếp tục điều tra, đánh giá, lập danh mục các khu vực đất ô nhiễm theo quy định; xây dựng, triển khai kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường đã đặc biệt nghiêm trọng do tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các chất gây ô nhiễm khác (Cao; Nhóm A, D);	2023 - 2025		Danh mục các khu vực đất ô nhiễm; Kế hoạch, hoạt động triển khai xử lý, cải tạo phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường đã đặc biệt nghiêm trọng; Danh mục các khu vực đất ô nhiễm.
15.4.2 a	- Đổi mới đất quốc phòng			
15.4.2 b	- Đổi mới đất an ninh			
15.4.2 c	- Đổi mới các khu vực còn lại			
15.5	Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bao tồn đa dạng sinh học.			
15.5.1	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện chính sách, thề chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học (Cao)	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
				Quy hoạch Quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Đề án, Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiểm)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
16.1.2	Đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Triển khai nhằm các-bon, dầu về các-bon đổi với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh của thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm gắn với theo dõi dầu chân các-bon.	2023 - 2030	Sở Công thương theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Kết quả thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ, hoạt động triển khai theo kế hoạch, chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030, bao gồm nội dung về dầu chân các-bon; Các đề án/dự án/chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai phát triển chuỗi giá trị sản phẩm gắn với theo dõi dầu chân các-bon.
16.2	Đẩy mạnh mua sắm công xanh, tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu; tập trung đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh; đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.				
16.2.1	Rà soát nghiên cứu kiến nghị Trung ương xây dựng khung pháp lý, thề chế, chính sách, quy định về mua sắm công xanh; tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu. Xây dựng, cấp nhật danh mục sản phẩm xanh quốc gia áp dụng cho mua sắm công. Thúc đẩy tiêu dùng xanh thông qua thương mại điện tử. Nghiên cứu đổi mới hoạt động cung cấp dịch vụ công theo hướng tăng cường xã hội hóa, tính dung, tính dùi giá theo cơ chế thị trường, bao gồm bình đẳng, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm xã hội, thúc đẩy tăng trưởng xanh (Cao)	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Khuôn khổ pháp lý về mua sắm công xanh; Danh mục sản phẩm xanh quốc gia áp dụng cho mua sắm công; Các đề án/dự án/ chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai tiêu dùng xanh thông qua thương mại điện tử; Đề án/dự án/ văn bản về đổi mới hoạt động cung cấp dịch vụ công
16.2.2	Triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh các cấp. Đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh.				
	Điều phối, triển khai, tổ chức đào tạo nghiệp vụ, đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện mua sắm công xanh cấp tỉnh.	2024 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án/dự án/ chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh.
17	<b>Y tế</b>				
17.1	Xây dựng nền y tế xanh, thông minh, bền vững.				
17.1.1	Hình thành nền y tế thông minh (ba nội dung chính: phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh, quản trị y tế thông minh). Tăng cường chuyên đổi số trong ngành y tế đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn (Cao)	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	Các đề án, dự án, chương trình thúc đẩy nền y tế thông minh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiểm)
		Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	
17.1.2	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện thề chế và triển khai, mở rộng hệ thống cơ sở y tế xanh, bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường (Cao)	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	 Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện
17.1.3	Tăng cường năng lực sản xuất, cung cấp và xử lý các sản phẩm chăm sóc sức khỏe cho các công ty sản xuất trong nước đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững (Cao)	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	 Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện
17.1.4	Rà soát, kiến nghị Trung ương xây dựng hành lang pháp lý, hệ thống quản lý (quy chuẩn, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, cơ chế giám sát, đánh giá, chế tài xử lý) cơ quan y tế không có hệ thống xử lý chất thải hoặc có nhưng xả thải trái phép hoặc xả chất thải không đúng tiêu chuẩn...).	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	 Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan
	Đào tạo đội ngũ chuyên trách giám sát, thanh tra, kiểm tra giấy tờ, hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải y tế (giấy đăng ký hoạt động, hồ sơ quan trắc môi trường...).			 Các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống quản lý phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế, bao gồm chế tài xử lý trường hợp vi phạm.
	Triển khai phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế; chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng năng lượng sạch trong xử lý chất thải y tế. Tổ chức bảo trì, bao dưỡng hệ thống bát buồng cho các hoạt động phân loại, tiêu hủy, xử lý chất thải y tế. Thực hiện kiểm tra định kỳ, đảm bảo các cơ sở xử lý chất thải y tế hoạt động đúng theo quy định, hướng dẫn của nhà nước.			 Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức đối với đội ngũ cán bộ trong ngành Y tế.
17.2	Thúc đẩy công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo hướng nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí của người dân.			 Các đề án/dự án/chương trình nghiên cứu, hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế, các mô hình ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng năng lượng sạch trong xử lý chất thải y tế, hoạt động bảo trì, bao dưỡng, hoạt động và kết quả kiểm tra định kỳ.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
17.2.1	Giảm sát, đánh giá dịch bệnh, các bệnh không lây nhiễm, đặc biệt tại các vùng dễ bị ảnh hưởng trước các tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí đến sức khỏe. Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu (bệnh tật và khí hậu thời tiết, bản đồ các khu vực bị ảnh hưởng sức khỏe do tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí) tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia". Dự báo, cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí đến sức khỏe (Cao)	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các bộ, ngành và các đơn vị có liên quan Hỗ trợ chương trình giám sát và đánh giá dịch bệnh, các huyện, thị xã, thành phố; các bộ, ngành và các đơn vị có liên quan Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, hoạt động dự báo các tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí đối với sức khỏe.
17.2.2	Ban hành hướng dẫn về xử lý nước sạch thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai chương trình, hoạt động tăng cường khả năng cung cấp nước sạch đối với khu vực chịu ảnh hưởng mạnh bởi biến đổi khí hậu: Đầu tư nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (Cao)	2023 - 2030	Sở Y tế theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan Các văn bản hướng dẫn chương trình, dự án, hoạt động nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức về xử lý và cung cấp nước sạch đối với khu vực chịu ảnh hưởng mạnh bởi biến đổi khí hậu.
18	<b>Du lịch</b>			
18.1	Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững			
18.1.1	Xây dựng, triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với kinh tế xanh, kinh tế biển xanh (Cao)	2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với kinh tế xanh, kinh tế biển xanh.
18.1.2	Rà soát, kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch cộng đồng; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, triển khai hệ thống xếp hạng về tăng trưởng xanh cho các điểm đến du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch ở Việt Nam (Cao)	2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, hỗ trợ, khuyến khích; Bộ tiêu chí đánh giá và hệ thống xếp hạng hàng năm;
18.2	Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch thể thao mạo hiểm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh...), phát triển sản phẩm du lịch xanh.			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Đề kiểm)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
18.2.1	Phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh chủ trong tinh kêt nối của kết cấu hạ tầng.	2023 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	 Các đề án/dự án/chương trình kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch cộng đồng, các đề án/dự án/ chương trình khuyến khích nhà đầu tư du lịch đầu tư hẽm thu gom, phân loại và tái chế nước thải, rác thải.
18.2.2	Khuyến khích nhà đầu tư du lịch chủ trọng đầu tư hệ thống thu gom, phân loại và tái chế nhằm tái sử dụng nước thải, rác thải cho các mục đích khác nhau.	2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, cản cứ hướng dẫn của Bộ, ngành để tham mưu, triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội và các đơn vị có liên quan	 Các đề án/dự án/chương trình kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch cộng đồng, các đề án/dự án/ chương trình khuyến khích nhà đầu tư du lịch đầu tư hẽm thu gom, phân loại và tái chế nước thải, rác thải.

Tóm tắt phân công cơ quan chủ trì các nhiệm vụ, hoạt động như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3 c, 1.1.3 d, 1.1.4, 1.2.1, 1.2.2, 1.2.4, 2.2, 3.1.1, 3.2.3 c, 4.1.1, 4.2.1, 4.2.2 a, 4.2.3, 4.3.1, 4.3.2, 5.1.2, 5.2.1 b, 6.1, 7.1.1, 9.1.1, 16.2.1, 16.2.2.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 1.1.3 b, 7.2.1 b, 10.5.3 c, 12.1.1, 12.1.2, 12.2, 12.3.1, 12.3.2, 12.4.1, 12.4.2, 12.5.1, 12.5.2, 12.5.3, 15.1.2, 15.2.1, 15.2.2, 15.2.3, 15.2.4, 15.3.2 a, 16.1.1 d.
- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 1.1.3 a, 1.2.3, 13.1.1, 13.1.2, 13.1.3, 14.1.1, 14.1.2, 15.1.1, 15.1.3, 15.3.1, 15.3.2, 15.4.1, 15.4.2 c, 15.5.1, 15.5.2, 16.1.1 a.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 3.1.2, 3.2.1 b, 3.2.2 b, 7.1.2, 7.2.1 a, 7.2.2.
- Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 3.2.3 a.
- Sở Tài chính chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 4.2.2 b, 4.2.2 c, 4.3.3, 8.2.1 b.
- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 3.2.1 a, 3.2.2 a, 3.2.3 d.
- Sở Công thương chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 8.1, 8.2.1 a, 9.1.2, 10.1.1, 10.5.3 b, 14.2, 15.3.2 b, 16.1.1 b, 16.1.2.
- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 5.2.1 a, 5.2.2.
- Sở Giao thông và Vận tải chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 10.2.1, 10.3.1, 10.4.1, 10.5.1, 10.5.2, 10.5.3 a, 10.5.3 d, 10.6.1 a, 10.6.2.
- Sở Xây dựng chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 11.1.1, 11.1.2, 11.2.1, 11.2.2 a, 11.2.3, 11.3.1, 11.3.2, 11.3.3, 11.3.4, 11.3.5, 11.4.1, 11.4.2, 11.4.3, 16.1.1 e.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 2.1, 16.1.1 c, 18.1.1, 18.1.2, 18.2.1, 18.2.2.
- Sở Y tế chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 17.1.1, 17.1.2, 17.1.3, 17.1.4, 17.2.1, 17.2.2.
- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 7.2.1 c.
- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 5.1.1, 13.2.
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 15.4.2 a.
- Công an tỉnh chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 15.4.2 b.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 3.2.3 b, 4.2.4, 4.3.4.